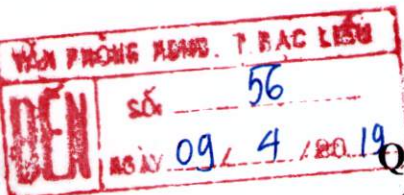


THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16 /2019/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2019



**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô  
tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải của xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải của xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sử dụng, quản lý, kiểm tra, kiểm định xe ô tô tham gia giao thông, xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.

2. Quyết định này không áp dụng đối với các loại xe ô tô của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Mức tiêu chuẩn khí thải (Mức 1, Mức 2, Mức 3, Mức 4) là giới hạn lớn nhất cho phép của các chất gây ô nhiễm và khói trong khí thải của xe ô tô quy định tại TCVN 6438:2018 “Phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải”.

**Điều 4. Lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông**

1. Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén tham gia giao thông sản xuất trước năm 1999 được tiếp tục áp dụng Mức 1.

2. Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén tham gia giao thông sản xuất từ năm 1999 đến hết năm 2008 áp dụng Mức 2 từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

3. Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén tham gia giao thông sản xuất sau năm 2008 áp dụng Mức 2 từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

### **Điều 5. Lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu**

1. Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức, động cơ cháy do nén đã qua sử dụng nhập khẩu áp dụng Mức 4 kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Trường hợp ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu có thời điểm mở tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo Luật hải quan hoặc đã về đến cảng, cửa khẩu Việt Nam trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được tiếp tục áp dụng quy định tại Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Giao thông vận tải

a) Căn cứ vào tình hình thực tế tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các quy định nâng cao mức tiêu chuẩn khí thải áp dụng đối với xe ô tô tham gia giao thông, xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu và trình Thủ tướng Chính phủ công bố lộ trình tiếp theo.

b) Tổ chức, huy động các nguồn lực để nghiên cứu, thử nghiệm áp dụng công nghệ xử lý khí thải nhằm xây dựng cơ chế, chính sách, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và nâng cao hiệu quả quản lý phát thải chất gây ô nhiễm từ xe cơ giới tham gia giao thông.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc triển khai thực hiện kiểm soát khí thải xe ô tô tham gia giao thông, xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.

### **Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2019.

2. Bãi bỏ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 6; Điều 7 của Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). 205

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trịnh Đình Dũng**